

Bản án số: 149/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22 - 9 - 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hòe và ông Trần Ngọc Tình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Bá Tuấn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Chế Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 82/2025/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2024/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1978; CCCD số: 044178005740; nơi cư trú: Tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Quảng Trị (trước đây là phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình); vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1974, CCCD số: 044074001894; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Quảng Trị (trước đây là phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình), hiện cư trú tại: E Ron Mc N, S field, On nol 2jo, Canada; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai và quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn - chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Văn T yêu nhau tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là phường Đ, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 12/01/1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại phường Đ. Tuy nhiên, quá trình chung sống hai bên bộc lộ nhiều quan điểm không tương đồng dẫn đến nhiều lần phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Mặc dù chị đã cố gắng duy trì hôn nhân vì con cái; gia đình hai bên cố gắng khuyên giải nhưng không khắc phục được. Đến năm 2024 anh T xuất cảnh đi lao động tại Canada, vợ chồng chấm dứt quan hệ sống ly thân cho đến nay. Nay chị nhận thấy cuộc hôn nhân không còn khả năng hàn gắn, vợ chồng không còn tình cảm dành cho nhau nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Trong quá trình chung sống, chị và anh T đã có với nhau hai con chung là Trần Thái S, sinh ngày 03/3/1999 và Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 18/9/2006. Vì các con đã

trưởng thành, tự nuôi sống được bản thân nên sau khi ly hôn các con muốn ở với ai thì do các con tự mình chọn.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh T tự liên hệ thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Trần Văn T tại Bản tự khai ngày 09/9/2025 trình bày: Anh cũng nhất trí với quá trình kết hôn, chung sống, mâu thuẫn vợ chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh với chị H như chị H trình bày. Anh xác định mối quan hệ vợ chồng giữa anh chị đã chấm dứt trên thực tế, đã sống ly thân từ lâu. Nay chị H xin ly hôn thì anh cũng chấp nhận và mong muốn được sớm ly hôn với chị H để mỗi người có thể sớm ổn định cuộc sống của mình.

Đồng thời cùng ngày 09/9/2025, anh Trần Văn T có Đơn xin không đưa vụ án ra hoà giải đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Tại Đơn trình bày ngày 08/9/2025 của anh Trần Thái S - con chung của chị Trần Thị H và anh Trần Văn T trình bày: Vừa qua anh có nhận được thông tin về việc mẹ là Trần Thị H gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn với bố là Trần Văn T. Bố mẹ xảy ra mâu thuẫn anh và em gái có biết. Hai anh em có nói chuyện với bố mẹ để hai người làm lành, để tiếp tục sống chung với nhau nhưng không được.

Do bố đang lao động ở Canada nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể ở đâu, chỉ liên lạc qua điện thoại, anh đã thông báo việc mẹ làm đơn ly hôn và chụp ảnh gửi Thông báo thụ lý của Tòa án cho bố biết. Theo thông tin từ bố anh thì bố cũng biết việc mẹ khởi kiện xin ly hôn với bố và bố cũng muốn ly hôn với mẹ nhưng không gửi giấy tờ về được.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được sớm ly hôn với anh Trần Văn T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Phía bị đơn mặc dù đã được tổng đạt, thông báo hợp lệ nhưng vẫn không có mặt, tuy nhiên, sau đó đã có ý kiến phản hồi đồng ý ly hôn với nguyên đơn và xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa nguyên đơn - chị H1 vắng mặt nhưng đã có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn anh Trần Văn T. Về quan hệ con chung: các con của anh chị đã tròn 18 tuổi, có đủ khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét. Về quan hệ tài sản chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T trong khi anh T đang sinh sống và làm việc tại Canada. Như vậy, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình mà bị đơn là công dân Việt Nam đang ở nước ngoài, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Sau khi thụ lý vụ án, theo địa chỉ của bị đơn ở nước ngoài mà nguyên đơn cung cấp, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và uỷ thác thu thập chứng cứ đối với anh Trần Văn T thông qua Cơ quan đại diện là Đ tại Canada theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã đề nghị Đ tại Canada tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng và tài liệu chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện của chị Trần Thị H, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về việc cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ đối với anh Trần Văn T tại Cơ quan Đ tại Canada và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan này. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh Trần Văn T tại phường Đ, tỉnh Quảng Trị và thông báo cho anh Trần Văn T biết về thời gian, địa điểm giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Trần Thị H với anh trên hệ phát thanh đối ngoại Quốc gia Đài tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp là các ngày 25,26,27/6/2025. Ngày 09/9/2025, Tòa án nhận được Đơn trình bày và xin xét xử vắng mặt của anh Trần Văn T qua địa chỉ mail: thanhtrana4444@gmail.com gửi về hòm thư điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị tại địa chỉ mail: quangtri@toaan.gov.vn Phía nguyên đơn - chị H1 vắng mặt nhưng đã có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228, 238, các điểm b, c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về giải quyết yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Trần Thị H và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại Việt Nam, đến tháng 7 năm 2024 anh Trần Văn T xuất cảnh qua Canada lao động cho đến nay chưa về nước. Quá trình chung sống giữa hai bên đã bộc lộ mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng, đặc biệt là sau khi anh T xuất cảnh đi lao động ở Canada. Hiện tại, cả chị Trần Thị H và anh Trần Văn T sống xa nhau nhưng đều không thể hiện mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mỗi người có một cuộc sống riêng, hoàn toàn không quan tâm đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T không còn, cuộc sống chung thực tế không tồn tại từ nhiều năm nay, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H, xử cho chị H ly hôn với anh T là hoàn toàn phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T có hai con chung là Trần Thái S, sinh ngày 03/3/1999 và Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 18/9/2006, hiện các con đã trưởng thành, tự nuôi sống được bản thân nên nếu bố mẹ ly hôn thì các con muốn ở với ai thì do các con tự mình chọn.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí, chi phí tố tụng khác: Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác theo quy định của khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 153, 474, các điểm b, c khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Văn T.
2. Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản chung: Không xem xét.
4. Về án phí, chi phí tố tụng:

Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay là Thi hành án tỉnh Quảng Trị) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005343 ngày 04/4/2025. Chị Trần Thị H phải chịu chi phí tố tụng 3.325.000 đồng (ba triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Chị H đã nộp đủ tiền án phí và chi phí tố tụng.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định. Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 22 tháng 9 năm 2025;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hòe và ông Trần Ngọc Tình

Tiến hành thảo luận vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2025/TLST-HNGĐ
ngày 08/4/2025 về việc “*Ly hôn*”, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
168/2025/QĐST - DS ngày 11 tháng 9 năm 2025

Những người tham gia tố tụng:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Hương, sinh năm 1978; CCCD số: 044178005740;
địa chỉ: Tổ dân phố 11, phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (nay
là phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị); có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Thanh, sinh năm 1974, địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tổ
dân phố 11, phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (nay là phường
Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị), hiện cư trú tại: 51276 Ron Mc Neil Line, Spring field, On
nol 2jo, Canada; vắng mặt.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về điều luật áp dụng:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 153, 474, các điểm b, c khoản 5 Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí (100%).

2. Về quan hệ tranh chấp: Ly hôn

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí (100%).

3. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Trần Thị Hương được ly hôn anh Trần Văn Thanh.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí (100%).

- *Về con chung:* con chung là Trần Thái Sơn, sinh ngày 03/3/1999 và Trần Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 18/9/2006, hiện các con đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí (100%).

- *Về tài sản chung:* Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí (100%).

- *Về án phí:* Chị Trần Thị Hương phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm chị Hương đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay là Thi hành án tỉnh Quảng Trị) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005343 ngày 04/4/2025. Chị Trần Thị Hương phải chịu chi phí tố tụng 3.325.000 đồng (Ba triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Chị Trần Thị Hương đã nộp đủ tiền án phí và chi phí tố tụng. Xác nhận đương sự đã nộp đủ.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí (100%).

- *Quyền kháng cáo:* Án sơ thẩm xử công khai, chị Trần Thị Hương có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Trần Văn Thanh có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí (100%).

Thảo luận kết thúc vào hồi giờ phút ngày 22 tháng 9 năm 2025.

Biên bản thảo luận đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị HòeTrần Ngọc Tình

Nguyễn Xuân Diệu